

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2025;

Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLST – DS, ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị X năm: 1948, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà X Ông Phạm Văn M năm: 1985, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

(văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025)

Bà Trần Thị C năm: 1960, cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An (tên gọi khác là Lê Thị C1 văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M 06/11/2024)

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ H năm: 2005, cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị X bà Trần Thị C1 Trần Thị Mỹ H1 nhất:

- Xác định bà Trần Thị N năm: 1929, chết ngày 25/10/2011 có hai người chồng là ông Trần Văn C2 năm 1947 và người chồng thứ hai chết ngày 22/6/1968. Bà N1 4 người con là bà Trần Thị X Lê Thị H2(chết ngày 05/12/2024), bà Trần Thị C Trần Văn L(chết ngày 27/01/2022). Ông L1 hai người con: Trần Thị Mỹ H năm 2005 và Trần M1 H2 chết ngày 21/4/2008, vợ ông L là Đặng H3 H3 chết ngày 22/10/2021. Bà Lê Thị H4 không có di chúc, bà không có chồng, không có con. Bà N2 có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, bà N3 không để lại di chúc (Theo văn bản xác nhận quan hệ nhân thân của Ủy ban nhân dân xã M 11/3/2024).

- Xác định phần diện tích 532m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 317 (mpt), tờ bản đồ số 31, tỷ lệ 1/2000), nay đổi thành tờ bản đồ số 35, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An chưa được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 16/9/2024) là di sản của bà Trần Thị N4

Vị trí, tứ cận phần đất theo Mảnh trích đo địa chính số 164-2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cdo vẽ và duyệt ngày 08/3/2024 đính kèm.

- Bà Trần Thị Xbà Trần Thị C1 Trần Thị Mỹ H1 nhất

Bà Trần Thị X1 Trần Thị C3 thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn L2 bà Trần Thị Mỹ H5 chia phần diện tích 532m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 317 (mpt), tờ bản đồ số 31, tỷ lệ 1/2000), nay đổi thành tờ bản đồ số 35, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An tài sản trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/04/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Chứng thư thẩm định giá tài sản do Công ty cổ phần T 020/2025/98-HD/TĐG-LA-BDS lập ngày 15/4/2024.

Vị trí, tứ cận phần đất theo Mảnh trích đo địa chính số 164-2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cdo vẽ và duyệt ngày 08/3/2024 đính kèm.

- Bà Trần Thị X1 Trần Thị C3 thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn L2 bà Trần Thị Mỹ H5 quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dưới hình thức chung quyền sử dụng theo Khoản 2 Điều 135 Luật Đất đai năm 2024, đối với phần diện tích 532m² tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 4, tỷ lệ 1/5000 (tương ứng với thửa số 317 (mpt), tờ bản đồ số 31, tỷ lệ 1/2000), nay đổi thành tờ bản đồ số 35, đất tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 164-2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cdo vẽ và duyệt ngày 08/3/2024 đính kèm.

Bà Trần Thị X1 Trần Thị C3 thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn L2 bà Trần Thị Mỹ H6 có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước, Chi nhánh Văn phòng Đ có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên và môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Trường hợp một trong các bên không thực hiện theo ranh đất theo quyết định của bản án, quyết định của Tòa án thì theo yêu cầu của đương sự, cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định buộc thi hành.

- Chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Bà Trần Thị X1 Trần Thị C4 và đã nộp xong.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị X1 Trần Thị C5 diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Chị Trần Thị Mỹ H7 chịu án phí là 5.333.300 đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHADS huyện Cần Giuộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân